

Tô Hà Thanh Phương

IELTS

Listening

Dictation



gamma



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

LỜI NÓI ĐẦU

Nghe – chép chính tả (*dictation*) là một phương pháp quen thuộc nhưng chưa được khai thác nhiều trong việc luyện kĩ năng nghe. Cuốn sách này được biên soạn nhằm giúp người học tiếng Anh, đặc biệt những ai đang ôn luyện **IELTS Listening**, rèn luyện khả năng nghe hiểu chi tiết và làm quen với các dạng bài.

Sách gồm **8 Unit**, chia thành 2 phần chính:

- **Part 1: Intro to Dictation** (Unit 1 – Unit 3) giúp bạn làm quen với phương pháp dictation qua các bài tập nhận diện số, chữ cái, từ vựng và câu hoàn chỉnh;
- **Part 2: IELTS-Style Dictation** (Unit 4 – Unit 8) giới thiệu các bài luyện tập theo định dạng IELTS Listening, từ **Form Completion**, **Sentence Completion** đến **Summary Completion**, **Note/Table Completion**, **Multiple Choice Question**.

Nếu bạn mới bắt đầu, hãy dành thời gian luyện tập Part 1 để xây nền tảng nghe vững chắc trước khi thử sức với Part 2. Nếu đã quen với IELTS Listening, bạn có thể tập trung ngay vào các bài tập theo định dạng đề thi và áp dụng chiến lược làm bài hiệu quả. Quan trọng nhất, hãy duy trì thói quen luyện nghe 15-20 phút mỗi ngày – đều đặn từng chút một, bạn sẽ thấy sự thay đổi rõ rệt.

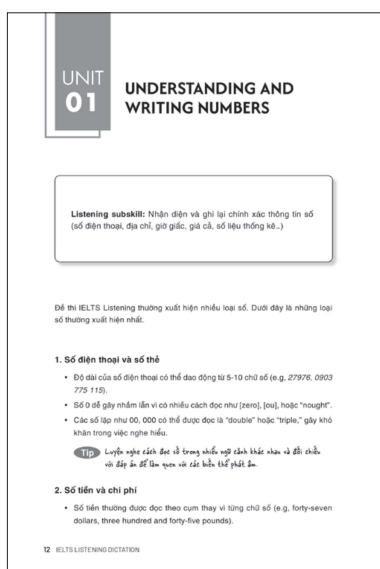
Với nguồn audio chuẩn, hệ thống bài tập được thiết kế có lộ trình rõ ràng cùng đáp án, tapescript và dịch nghĩa, cuốn sách này phù hợp cho cả người tự học và giáo viên cần tài liệu hỗ trợ giảng dạy.

Học nghe là một quá trình, mỗi phút bạn dành cho nó đều giúp bạn tiến gần hơn đến sự tự tin. Hi vọng cuốn sách sẽ là một công cụ hữu ích giúp bạn nâng cao kĩ năng nghe một cách hiệu quả và có hệ thống.

Ban biên tập Gamma

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

IELTS Listening Dictation được chia thành 2 phần. Part 1 giúp người học làm quen với phương pháp dictation thông qua các bài tập cơ bản như nhận diện và ghi lại tên, số, chữ cái,... Part 2 giới thiệu các bài luyện tập theo định dạng IELTS Listening.



Instruction

Phần mở đầu mỗi Unit sẽ giới thiệu kỹ năng nghe cần thiết và các chiến lược làm bài phù hợp với từng dạng câu hỏi trong IELTS Listening. Người học sẽ hiểu được mục tiêu luyện tập, đồng thời được hướng dẫn cách tiếp cận hiệu quả để nâng cao kỹ năng dictation.

Practice

Tiếp theo là loạt bài tập thực hành dictation. Các bài tập đa dạng cả về dạng bài lẫn nội dung sẽ giúp người học cải thiện khả năng nhận diện âm, phát triển kỹ năng ghi nhớ và ghi chép nhanh, làm quen với cấu trúc đề thi IELTS Listening thực tế.

PRACTICE 1 **PHONE/CARD** Answers p.37

Q1 – Q10

1 Woman's membership ID number: UK _____ EG _____

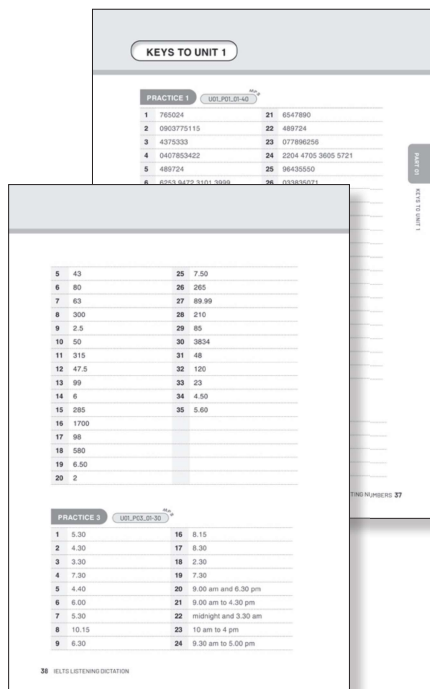
2 Sarah's home phone number: _____

3 Woman's home phone number (without area code): 027 _____

4 Janet Redding's phone number: _____

5 Cindy's work phone number: _____

UNIT 01 - UNDERSTANDING AND WRITING NUMBERS 15

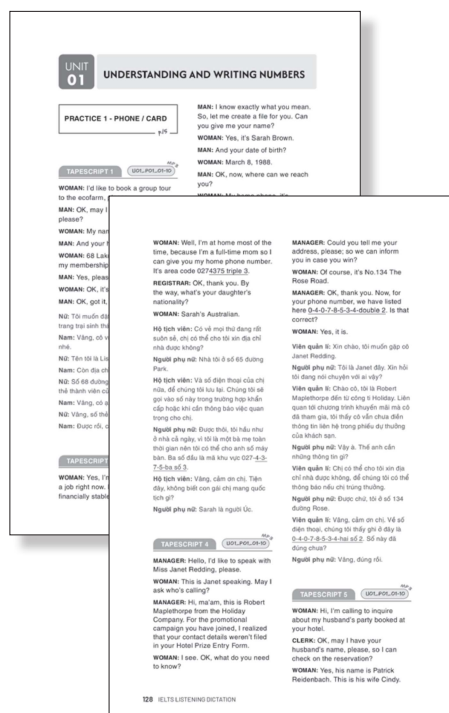


Keys

Cuối mỗi Unit là phần đáp án cho các câu hỏi để bạn có thể kiểm tra kết quả và xác định những lỗi sai thường mắc phải. Việc đối chiếu bài làm với đáp án sẽ giúp người học phát hiện lỗi sai và nguyên nhân, rèn luyện kỹ năng kiểm tra và điều chỉnh chiến lược nghe, để từ đó củng cố khả năng tự học một cách chủ động và hiệu quả.

Tapescript

Phần này chứa toàn bộ nội dung bài nghe, giúp người học kiểm tra mức độ chính xác của việc nghe-chép, nhận diện nổi âm, trọng âm và từ vựng khó. Hãy đọc kỹ phần tapescript để phân tích sâu cách diễn đạt thông tin - một kỹ năng quan trọng khi luyện thi IELTS.



CẤU TRÚC BÀI THI IELTS LISTENING

IELTS Listening kéo dài 30 phút với 40 câu hỏi chia thành 4 phần (Section):

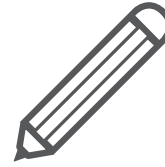
Section	Loại bài nghe	Đặc điểm	Dictation giúp ích như thế nào?
1	Hội thoại giữa 2 người (chủ đề đời sống)	Thường yêu cầu điền số, chữ cái, địa chỉ	Luyện nghe chép chính tả số, tên, ngày tháng
2	Bài nói đơn (chủ đề hướng dẫn, giới thiệu)	Có thể là bản đồ, sơ đồ hoặc bảng thông tin	Rèn kĩ năng nghe từ vựng cụ thể và cấu trúc câu đơn giản
3	Hội thoại giữa 2-4 người (học thuật, giáo dục)	Nói nhanh hơn, nhiều quan điểm khác nhau	Cải thiện khả năng nhận diện từ nối và từ vựng học thuật
4	Bài giảng (học thuật)	Nội dung dài, có từ vựng chuyên ngành	Rèn khả năng nghe liên tục và viết lại thông tin quan trọng

VAI TRÒ CỦA DICTATION



1 **Giúp tăng cường khả năng nhận diện âm thanh**

Dictation buộc bạn phải lắng nghe kĩ từng từ, giúp phát hiện ra những lỗi sai thường gặp như thiếu âm cuối (e.g, “worked” vs. “work”) hoặc nghe nhầm từ đồng âm.



2 **Cải thiện khả năng nghe chép chính tả và viết nhanh**

Trong bài thi IELTS Listening, sai chính tả có thể khiến bạn mất điểm, đặc biệt ở Section 1 và 2.



3 **Rèn kĩ năng dự đoán từ cần điền**

Khi làm dictation, bạn học được cách dự đoán loại từ phù hợp dựa vào ngữ cảnh, giúp ích rất nhiều cho dạng bài **Sentence Completion & Summary Completion**.



4 **Phát triển khả năng ghi nhớ nhanh**

Kĩ thuật dictation giúp tăng cường trí nhớ ngắn hạn, giúp bạn nhớ được nhiều thông tin hơn khi làm bài nghe.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Hướng dẫn sử dụng sách	6
Cấu trúc bài thi IELTS Listening	8
Vai trò của Dictation	9

PART 01 INTRO TO DICTATION

UNIT 01 - Understanding and Writing Numbers	14
Keys to Unit 1	39
UNIT 02 - Recognizing and Spelling Letters	42
Keys to Unit 2	55
UNIT 03 - Further Dictation Practices	57
Keys to Unit 3	77

PART 02 IELTS-STYLE DICTATION

UNIT 04 - Form Completion	84
Keys to Unit 4	90
UNIT 05 - Sentence Completion	92
Keys to Unit 5	100
UNIT 06 - Note / Table Completion	102
Keys to Unit 6	110

UNIT 07 - Summary Completion	112
Keys to Unit 7	118
UNIT 08 - Multiple Choice	120
Keys to Unit 8	127

TAPESCRIPT

UNIT 01 - Understanding and Writing Numbers	129
UNIT 02 - Recognizing and Spelling Letters	189
UNIT 03 - Further Dictation Practices	229
UNIT 04 - Form Completion	243
UNIT 05 - Sentence Completion	248
UNIT 06 - Note / Table Completion	253
UNIT 07 - Summary Completion	256
UNIT 08 - Multiple Choice Questions	259

UNIT 01

UNDERSTANDING AND WRITING NUMBERS

Listening subskill: Nhận diện và ghi lại chính xác thông tin số (số điện thoại, địa chỉ, giờ giấc, giá cả, số liệu thống kê...)

Đề thi IELTS Listening thường xuất hiện nhiều loại số. Dưới đây là những loại số thường xuất hiện nhất.

1. Số điện thoại và số thẻ

- Độ dài của số điện thoại có thể dao động từ 5-10 chữ số (e.g, 27976, 0903 775 115).
- Số 0 dễ gây nhầm lẫn vì có nhiều cách đọc như [zero], [ou], hoặc “nought”.
- Các số lặp như 00, 000 có thể được đọc là “double” hoặc “triple,” gây khó khăn trong việc nghe hiểu.

Tip

Luyện nghe cách đọc số trong nhiều ngữ cảnh khác nhau và đối chiếu với đáp án để làm quen với các biến thể phát âm.

2. Số tiền và chi phí

- Số tiền thường được đọc theo cụm thay vì từng chữ số (e.g, forty-seven dollars, three hundred and forty-five pounds).

- Cần phân biệt rõ các số dễ nhầm như 13 vs. 30 (*thirteen* vs. *thirty*) và các số hàng trăm, hàng nghìn.
- Đơn vị tiền trong tiếng Anh (*dollar*, *pound*) thường đứng trước số.

Tip Kiểm tra yêu cầu của đề bài – đôi khi chỉ cần diễn số, nhưng có trường hợp bắt buộc kèm đơn vị (*\$*, *£*).

3. Thời gian

- Có thể viết theo định dạng 12 giờ hoặc 24 giờ (e.g, 3:30 PM, 15:30).
- Cần chú ý các cách diễn đạt khác nhau như “half past three” (3:30).
- Một số câu hỏi yêu cầu kèm kí hiệu AM/PM hoặc đơn vị thời gian ở dạng số nhiều (e.g., 40 minutes, 5 hours).

Tip Khi không chắc chắn về cách viết từ, nên chọn định dạng số để tránh lỗi chính tả.

4. Đơn vị đo lường (độ dài, cân nặng, thể tích)

- Các đơn vị thường gặp: m (metre), km (kilometre), kg (kilogram), l (litre), m² (square metre).
- Phân số và phần trăm có thể xuất hiện dưới dạng “1/2” (half), “1/3” (one third), “32%” (thirty-two percent).

Tip Để tránh sai chính tả, nên viết tắt đơn vị thay vì viết đầy đủ (e.g, km thay vì kilometre). Khi nghe số thập phân, chú ý dấu chấm và cách phát âm từng phần để điền đáp án chính xác.

5. Địa chỉ

- Đáp án thường có dạng: **số + tên đường + loại đường** (e.g, 49 *Windmill Drive*).
- Nhớ vững các danh từ chỉ đường phổ biến: *road*, *street*, *avenue*, *drive*, *lane*, *close*.

Tip Ôn tập trước các tên đường lạ từ các đề thi sẵn có để tránh bỡ ngỡ.

6. Mã bưu chính; Số tham chiếu (Reference number)

- Thường có 6-7 kí tự, gồm cả chữ và số (e.g, T034YU, GW432HA).
- Khó nghe hơn vì không tuân theo qui tắc từ vựng.

Tip

Luyện tập nhiều để làm quen với kiểu mã này, tránh mất điểm do lúng túng.

7. Ngày tháng

- Đề có thể theo chuẩn Anh, Mỹ hoặc quốc tế.
- Các dạng thường gặp: **ngày + tháng** (*1st March*), **ngày + tháng + năm** (*12th July 2024*).
- Viết số thứ tự (*1st, 2nd, 3rd*) không bắt buộc, nhưng nên viết đúng theo audio để đảm bảo không bị mất điểm.

Để tìm hiểu chi tiết về cách nói số (và ghi số) trong tiếng Anh, hãy tìm đọc cuốn **Numbers in English** – **Cách nói số chuẩn** do Gamma phát hành.



PRACTICE 1

PHONE/CARD

Answers: p.39

MP3

U01_P01_01-10

Q1 → Q10

- 1 Woman's membership ID number: UK _____ EG

- 2 Sarah's home phone number: _____

- 3 Woman's home phone number (without area code):
027 _____

- 4 Janet Redding's phone number: _____

- 5 Cindy's work phone number: _____

PART 01

INTRO TO DICTATION

Listen carefully and fill in the blanks with the missing words.

Most of us have a general, (1) _____ sense of what to eat and when - there is no shortage of (2) _____ on the subject. Yet there is often a (3) _____ between what we know and what we do. We may have the facts, but (4) _____ also involve our feelings. Many people who struggle with difficult (5) _____ also struggle with eating problems.

Emotional eating is a popular term used to describe eating that is influenced by (6) _____, both positive and negative. Feelings may affect various aspects of your eating, including your (7) _____ to eat, your food choices, where and with whom you eat, and the (8) _____ at which you eat.

Most (9) _____ is prompted by feelings rather than physical hunger. Individuals who struggle with (10) _____ tend to eat in response to emotions. However, people who eat for emotional reasons are not necessarily (11) _____. People of any size may try to escape an emotional experience by preoccupying themselves with eating or by obsessing over their shape and (12) _____.

PRACTICE 2

Answers: p.77

MP3

U03_P02

Listen carefully and fill in the blanks with the missing words.

Bad luck always seems to strike at the worst moment.

A student taking their final exam wakes up with a serious

(1) _____. A runner breaks their (2) _____ minutes

before a race. It seems like bad luck, but psychologists

(3) _____. They say that such common (4) _____

are, in many cases, carefully designed plots of the

(5) _____ mind. They argue that a person often

engages in a form of self-handicapping behavior.

Self-handicapping refers to the various ways in which

people (6) _____ create obstacles to put the blame on

when they think they are going to (7) _____. It seems

like a crazy thing to do, but it is a clever (8) _____ of

the mind, one that allows a person to protect their

(9) _____ by justifying their (10) _____.

PART 01

INTRO TO DICTATION

UNIT 01

UNDERSTANDING AND WRITING NUMBERS

PRACTICE 1 - PHONE / CARD

p.17

TAPESCRIPT 1

U01_P01_01-10

MP3

WOMAN: I'd like to book a group tour to the ecofarm, please.

MAN: OK, may I have your name, please?

WOMAN: My name is Lisa Pennington.

MAN: And your home address?

WOMAN: 68 Lake Road. Do you need my membership ID number?

MAN: Yes, please.

WOMAN: OK, it's UK-765024 EG.

MAN: OK, got it, thanks.

Nữ: Tôi muốn đặt gói du lịch nhóm tới trang trại sinh thái này.

Nam: Vâng, cô vui lòng cho tôi xin tên nhé.

Nữ: Tên tôi là Lisa Pennington.

Nam: Còn địa chỉ nhà của cô là gì?

Nữ: Số 68 đường Lake. Anh có cần số thẻ thành viên của tôi không?

Nam: Vâng, có ạ.

Nữ: Vâng, số thẻ là UK-765024 EG.

Nam: Được rồi, cảm ơn cô!

TAPESCRIPT 2

U01_P01_01-10

MP3

WOMAN: Yes, I'm really in need of a job right now. It's so difficult to be financially stable when not working.

MAN: I know exactly what you mean. So, let me create a file for you. Can you give me your name?

WOMAN: Yes, it's Sarah Brown.

MAN: And your date of birth?

WOMAN: March 8, 1988.

MAN: OK, now, where can we reach you?

WOMAN: My home phone, it's 0-9-0-3-double 7-5-double 1- 5.

Nữ: Vâng, tôi đang rất cần một công việc. Thật khó để ổn định tài chính khi không có việc làm.

Nam: Tôi hiểu ý chị. Vậy để tôi lập hồ sơ giúp chị. Chị cho tôi biết tên được không?

Nữ: Vâng, tôi là Sarah Brown.

Nam: Còn ngày sinh của chị?

Nữ: Ngày 8 tháng 3 năm 1988.

Nam: Được rồi, vậy chúng tôi có thể liên hệ với chị qua đâu?

Nữ: Qua số điện thoại nhà của tôi nhé, 0-9-0-3-hai số 7-5-hai số 1-5.

TAPESCRIPT 3

U01_P01_01-10

MP3

REGISTRAR: Everything seems to be running fine so can you give me your home address, please?

WOMAN: It's No. 65 Park Road.

REGISTRAR: And your phone number, please, for our records. This is the number we'll be calling in case of an emergency or if we need to inform you of something important.

TAPESCRIPIS

WOMAN: Well, I'm at home most of the time, because I'm a full-time mom so I can give you my home phone number. It's area code 0274375 triple 3.

REGISTRAR: OK, thank you. By the way, what's your daughter's nationality?

WOMAN: Sarah's Australian.

Hộ tịch viên: Có vẻ mọi thứ đang rất suôn sẻ, chị có thể cho tôi xin địa chỉ nhà được không?

Người phụ nữ: Nhà tôi ở số 65 đường Park.

Hộ tịch viên: Và số điện thoại của chị nữa, để chúng tôi lưu lại. Chúng tôi sẽ gọi vào số này trong trường hợp khẩn cấp hoặc khi cần thông báo việc quan trọng cho chị.

Người phụ nữ: Được thôi, tôi hầu như ở nhà cả ngày, vì tôi là một bà mẹ toàn thời gian nên tôi có thể cho anh số máy bàn. Ba số đầu là mã khu vực 027-4-3-7-5-ba số 3.

Hộ tịch viên: Vâng, cảm ơn chị. Tiện đây, không biết con gái chị mang quốc tịch gì?

Người phụ nữ: Sarah là người Úc.

TAPESCRIPT 4

U01_P01_01-10 ^{MP3}

MANAGER: Hello, I'd like to speak with Miss Janet Redding, please.

WOMAN: This is Janet speaking. May I ask who's calling?

MANAGER: Hi, ma'am, this is Robert Maplethorpe from the Holiday Company. For the promotional campaign you have joined, I realized that your contact details weren't filed in your Hotel Prize Entry Form.

WOMAN: I see. OK, what do you need to know?

MANAGER: Could you tell me your address, please; so we can inform you in case you win?

WOMAN: Of course, it's No.134 The Rose Road.

MANAGER: OK, thank you. Now, for your phone number, we have listed here 0-4-0-7-8-5-3-4-double 2. Is that correct?

WOMAN: Yes, it is.

Viên quản lí: Xin chào, tôi muốn gặp cô Janet Redding.

Người phụ nữ: Tôi là Janet đây. Xin hỏi tôi đang nói chuyện với ai vậy?

Viên quản lí: Chào cô, tôi là Robert Maplethorpe đến từ công ti Holiday. Liên quan tới chương trình khuyến mãi mà cô đã tham gia, tôi thấy cô vẫn chưa điền thông tin liên hệ trong phiếu dự thưởng của khách sạn.

Người phụ nữ: Vâng. Thế anh cần những thông tin gì?

Viên quản lí: Chị có thể cho tôi xin địa chỉ nhà được không, để chúng tôi có thể thông báo nếu chị trúng thưởng.

Người phụ nữ: Được chứ, tôi ở số 134 đường Rose.

Viên quản lí: Vâng, cảm ơn chị. Về số điện thoại, chúng tôi thấy ghi ở đây là 0-4-0-7-8-5-3-4-hai số 2. Số này đã đúng chưa?

Người phụ nữ: Vâng, đúng rồi.

TAPESCRIPT 5

U01_P01_01-10 ^{MP3}

WOMAN: Hi, I'm calling to inquire about my husband's party booked at your hotel.

CLERK: OK, may I have your husband's name, please, so I can check on the reservation?

WOMAN: Yes, his name is Patrick Reidenbach. This is his wife Cindy.